

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 28/02/2024

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng thuê
thiết bị xây dựng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích

2. Ông Nguyễn Tấn Triều

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S (Gọi tắt là: Công ty S)

Địa chỉ: Số A - 26, đường M, KDC E, P. P, Q. C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh T - Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ: Số A - 26, M, KV. Thạnh Thới, P. P, Q. C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn M sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, T, khu V, P. A, Q. N, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Quang Đ – Công ty M1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E C, P. B, Q. B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH S – ông Lê Anh T trình bày:

Ngày 06/11/2021, ông M có gọi điện cho ông T để thuê 100 cây chông (có phiếu xuất kho kèm theo), đơn giá thuê 1.000 đồng/cây/ngày. Đặt cọc 15.000.000 đồng. Ngày 11/11/2021, ông M tiếp tục gọi điện cho ông để thuê thêm 100 cây chông (có phiếu xuất kho kèm theo), đơn giá thuê 1.000 đồng/cây/ngày. Đặt cọc 15.000.000 đồng. Vì tin tưởng ông M là chủ nhà trọ tại địa chỉ số C, đường T, khu V, P. A, Q. N, TP., có địa chỉ rõ ràng nên ông không giữ giấy tờ tùy thân của ông M, chỉ giữ cọc 50% giá trị đơn hàng. Tổng tiền cọc: 30.000.000 đồng, tổng giá trị thiết bị: 60.000.000 đồng. Ngày

12/12/2021, ông M trả 100 cây chống, tiền thuê tính đến thời điểm trả là 3.700.000 đồng, vận chuyển hàng trả 250.000 đồng. Tổng cộng sau khi trả hàng đợt 1, ông M cần thanh toán là 3.950.000 đồng. Đối trừ tiền ông M đặt cọc 15.000.000 đồng thì tiền cọc còn thừa đợt 1 là 11.050.000 đồng. Vì ông M còn giữ của ông I cây chống của đợt 2 trị giá 30.000.000 đồng nên ông có báo với ông M khi nào trả nốt 100 cây chống còn lại ông sẽ tính tổng tiền thuê, tiền vận chuyển và trừ vào cọc, tiền cọc còn dư sẽ trả lại ông M ngay khi nhận hàng trả còn lại. Nhiều lần ông yêu cầu ông M trả hàng để chốt công nợ nhưng ông M không đồng ý còn có ý thách thức, có lời lẽ chửi mắng, xúc phạm Công ty S. Có file ghi âm ngày 17/8/2022 và các tin nhắn ông M kèm theo. Tính đến ngày 12/9/2022, tổng tiền thuê, chi phí vận chuyển được thể hiện chi tiết (có bảng kê kèm theo). Do đó Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Phạm Văn M hoàn trả 100 cây chống cho Công ty TNHH S. Trường hợp bị mất thì buộc ông M phải bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng (300.000 đồng/cây).

+ Buộc ông M trả tiền thuê phát sinh của 100 cây chống tính đến ngày 18/8/2022 sau khi trừ toàn bộ tiền cọc còn lại của ông M còn lại cần thanh toán là 2.300.000 đồng.

Hiện Công ty S đang giữ số tiền cọc 02 đợt là 30.000.000 đồng (mỗi đợt 15.000.000 đồng). Đối chiếu với số tiền ông M đặt cọc 30.000.000 đồng thì ông M cần phải thanh toán thêm cho Công ty S là 2.300.000 đồng và hoàn trả 100 cây chống còn lại. Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông M hoàn trả 100 cây chống và số tiền phát sinh là 2.300.000 đồng. Cụ thể: - Tiền thuê 100 cây chống đợt 01 (từ ngày 06/11/2021 – 12/12/2021) là 37 ngày, tiền thuê: $100 \times 37 \times 1.000$ đồng = 3.700.000 đồng + Tiền vận chuyển 100 cây chống trả ngày 12/12/2021: 250.000 đồng. Tổng cộng đợt 01: 3.950.000 đồng.

- Tiền thuê 100 cây chống đợt 02 (từ ngày 11/11/2021 đến ngày khởi kiện là ngày 18/8/2022) là 281 ngày, tiền thuê: $100 \times 281 \times 1.000$ đồng = 28.100.000 đồng.

Tổng số tiền sau khi trừ vào tiền cọc 30.000.000 đồng, yêu cầu ông M phải thanh toán số tiền 2.300.000 đồng tiền thuê phát sinh.

Đề nghị Tòa án xem xét giải ngoài việc lấy lời khai nhân chứng như bị đơn cung cấp thì phải có nội dung cuộc gọi giữa nguyên đơn và bị đơn thì nguyên đơn mới đồng ý.

* **Bị đơn ông Phạm Văn M trình bày:** Ông thừa nhận ông có thuê của Công ty S 100 cây chống. Các bên khi thỏa thuận thuê tài sản không làm hợp đồng. Chỉ liên hệ qua điện thoại. Cụ thể: + Lần 01 : Ông thuê của Công ty S 100 cây chống (từ ngày 06/11/2021 – 12/12/2021) là 37 ngày, tiền thuê: $100 \times 37 \times 1.000$ đồng = 3.700.000 đồng; Tiền vận chuyển 100 cây chống trả ngày 12/12/2021: 250.000 đồng. Tổng cộng đợt 01: 3.950.000 đồng. Tiền đặt cọc là 15.000.000 đồng. Sau khi trừ vào tiền thuê và tiền vận chuyển: 11.050.000 đồng. Công ty không hề báo giá tài sản thuê là 300.000 đồng/cây.

+ Lần 02: Tiền thuê 100 cây chống đợt 2 (từ ngày 11/11/2021 đến ngày 16/12/2021) là 35 ngày: 3.500.000 đồng. Ông đã đặt cọc cho đợt 02 là 15.000.000 đồng.

Đến ngày 16/12/2021 ông sử dụng xong 100 cây chống của đợt 02, ông đã liên hệ Công ty S qua điện thoại có nhân chứng là ông Đ – Chủ vật liệu xây dựng X (đường B, P. B, Q. B) chứng kiến và một số thợ xây dựng công trình của ông để nhận lại 100 cây chống và trừ tiền thuê vào tiền cọc, ông yêu cầu nhận lại tiền cọc dư là 11.500.000 đồng nhưng Công ty S không thực hiện việc trả tiền cọc cho ông.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông trả số tiền thuê phát sinh 2.300.000 đồng. Ông chỉ đồng ý trả 100 cây chống, và trừ tiền thuê tổng cộng của 02 đợt tổng số tiền là: 7.450.000 đồng. Ông đề nghị Công ty S trả cho ông số tiền đặt cọc là 22.550.000 đồng. Ông cho rằng việc thuê tài sản chia làm 02 hợp đồng tách biệt nhau. Hợp đồng lần 01 chưa xử lý xong nên đối với hợp đồng thứ 02 làm cho bị đơn mất niềm tin. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu thanh toán lần 02 bị đơn không thực hiện. Lỗi do nguyên đơn khi hợp đồng thứ 01 chưa thanh lý xong. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án lấy lời khai người làm chứng là ông Nguyễn Quang Đ - Chủ Công ty M1.

Trong quá trình ông đã thi công sử dụng xong các cây chống mượn đợt 02. Ông đã điện thoại báo Công ty S nhiều lần đến nhận lại 100 cây chống còn lại và yêu cầu Công ty S đem tiền đặt cọc và đợt còn lại sau khi trừ tiền thuê sử dụng giàn giáo trả cho ông, đồng thời nhận 100 cây đợt 02 về. Ông sợ bị lừa như lần 01 nhận 100 cây chống về mà không trả tiền cọc cho ông.

Sự việc trên hoàn toàn có người chứng kiến là ông Nguyễn Quang Đ - Chủ Công ty M1, địa chỉ: Các M, phường B, Q. B, TP ., là Công ty đã cung cấp vật liệu xây dựng cho căn nhà 05 tầng của ông đã xây hơn 01 năm qua và ông Đ đã chứng kiến khi đến nhận tiền vật liệu ông trả.

Tại phiên tòa:

* **Đại diện nguyên đơn – ông Lê Anh T trình bày:** Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông M trả cho Công ty S 100 cây chống đã thuê đợt 2. Trong trường hợp bị mất thì buộc ông M phải bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng (tương đương 300.000 đồng/cây).

+ Buộc ông M trả tiền thuê 100 cây chống tính từ ngày 11/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2024), sau khi trừ toàn bộ tiền cọc còn dư của đợt 1: 11.050.000 đồng + tiền cọc đợt 2: 15.000.000 đồng của ông M, phần còn thiếu ông M phải thanh toán thêm. Nếu dư thì Công ty S sẽ trả cho ông M.

Khi thoả thuận cho thuê thiết bị xây dựng, nguyên đơn sẽ chịu trách nhiệm thuê xe tải chở đến và về cho bị đơn nhưng tiền thuê sẽ do bị đơn chịu, mỗi chuyến là 250.000 đồng.

Việc nguyên đơn giữ số tiền cọc đợt 1 còn dư là do giá trị tài sản cho thuê cao hơn số tiền cọc đợt 2 mà bị đơn đã đặt cọc. Nên nguyên đơn giữ để đảm bảo tài sản thuê.

Bị đơn ông Phạm Văn M trình bày: Ông thừa nhận ông đang giữ 100 cây chống, ông đồng ý trả cho Công ty S. Ông đồng ý trả tiền thuê 100 cây chống đợt 2 từ ngày

11/11/2021 đến ngày 16/12/2021. Do ông chỉ sử dụng đến tháng 12/2021 là xong. Không đồng ý trả tiền thuê sau đó đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2024), do ông sử dụng xong vào tháng 12/2021 đã liên hệ Công ty S đến nhận nhiều lần nhưng ông T - Giám đốc Công ty S cứ hẹn mà không đến nhận và cũng không đồng ý trả tiền cọc đợt 1 sau khi trừ tiền thuê và tiền vận chuyển, ông còn dư 11.050.000 đồng và cọc đợt 2 là 15.000.000 đồng, sau khi trừ tiền thuê đợt 2 còn dư phải trả lại cho ông.

Đối với việc ông T cho rằng giữ cọc dư đợt 1 để đảm bảo cho tài sản thuê đợt 2 là không đúng. Vì khi thuê đợt 2 ông đã giao số tiền cọc 15.000.000 đồng. Các bên thoả thuận chỉ nhận cọc mỗi đợt là 15.000.000 đồng, không thoả thuận số tiền cọc cao hơn. Nếu có thoả thuận tiền cọc cao hơn thì khi thuê ông đã giao đủ mới được nhận tài sản thuê. Việc ông T cho rằng tài sản thuê cao hơn tiền cọc rất nhiều là không đúng. Vì 100 cây chống ông thuê đã cũ, ông T đưa ra giá 100 cây chống tương đương 30.000.000 đồng theo ông đánh giá không tới, nhưng ông giao tiền cọc mỗi đợt 15.000.000 đồng là tương đương 50% giá trị tài sản thuê nên không thể giữ lại tiền cọc đợt 1 còn dư của ông được. Ông không đồng ý ý kiến của ông T.

Người làm chứng vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty S và ông Phạm Văn M đã thoả thuận thuê thiết bị xây dựng (100 cây chống) với nhau. Tuy nhiên, Công ty S cho rằng ông M không trả thiết bị xây dựng và trả tiền thuê nên có đơn khởi kiện yêu cầu ông M trả 100 cây chống và trả tiền thuê. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng*”, bị đơn cư trú tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người làm chứng đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Văn M hoàn trả 100 cây chống cho Công ty TNHH S. Trường hợp bị mất thì buộc ông M phải bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng (300.000 đồng/cây).

Nhận thấy, Đ1 1 vào ngày 06/11/2021, ông M thuê của Công ty S 100 cây chống để làm nhà trọ. Với giá thuê 1.000 đồng/cây/ngày. Đặt cọc 15.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận miệng với nhau, không lập văn bản. Thời gian thuê: đến khi xong trả. Khi nhận cọc và cho thuê có phiếu xuất kho kèm theo của Công ty S, thể hiện người nhận hàng là ông M, giám đốc bên Công ty S có ông Lê Anh T ký tên. Tài xế xe thu hộ là 15.250.000 đồng (Trong đó: tiền cọc: 15.000.000 đồng + vận chuyển: 250.000 đồng).

Đến ngày 12/12/2021, ông M trả 100 cây chống, tiền thuê tính đến thời điểm thuê là 3.700.000 đồng + 250.000 tiền vận chuyển, tổng cộng: 3.950.000 đồng. Sau khi trừ số tiền cọc 15.000.000 đồng thì tiền cọc còn dư là 11.050.000 đồng. Số tiền này Công ty S chưa trả cho ông M. Vấn đề này hai bên khai thống nhất nhau.

- Đợt 2: Ngày 11/11/2021, ông M tiếp tục gọi điện thuê 100 cây chống của Công ty S, giá thuê, số tiền đặt cọc, mục đích thuê và thỏa thuận thời gian thuê và các thỏa thuận khác tương tự như đợt 1. Hai bên giao nhận tiền và cây chống như đợt 01, có phiếu xuất kho kèm theo.

Công ty S khởi kiện cho rằng ông M không trả 100 cây chống thuê đợt 2 nên khởi kiện yêu cầu ông M trả 100 cây chống hiện nay ông M đang giữ. Nhận thấy, vấn đề này ông M thừa nhận ông còn đang giữ của Công ty S 100 cây chống thuê đợt 2 chưa trả cho Công ty S. Lý do ông chưa trả là do Công ty S chưa trả tiền cọc dư đợt 1 với số tiền 11.050.000 đồng cho ông. Ông M cho rằng ông đã sử dụng xong 100 cây chống đợt 2 vào ngày 16/12/2021 nhưng liên hệ với Công ty S để lại nhận 100 cây và thanh toán tiền cọc cho ông nhưng Công ty S không đến nhận và cũng không trả cho ông số tiền cọc còn dư sau khi đã trừ tiền thuê.

Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông M trả 100 cây chống thuê đợt 2, bị đơn thừa nhận đang giữ của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu trong trường hợp bị mất thì buộc ông M phải bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng (300.000 đồng/cây). Nhận thấy, hiện nay ông M thừa nhận đang giữ, không có chứng cứ cho rằng 100 cây chống của Công ty S bị mất nên chưa có cơ sở xem xét vấn đề này.

3.2. Đối với yêu cầu buộc ông M trả tiền thuê của 100 cây chống đợt 2 tính từ ngày 11/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2024), với giá thuê 1.000 đồng/cây/ngày, sau khi trừ toàn bộ tiền cọc còn lại của ông M cần thanh toán thêm.

Nhận thấy, đối với 100 cây chống ông M thuê đợt 2 của Công ty S, giá thuê như đợt 1. Đặt cọc 15.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau, không lập văn bản. Thời gian thuê: đến khi xong trả. Khi nhận cọc và cho thuê có phiếu xuất kho kèm theo của Công ty S, thể hiện người nhận hàng là ông Phạm Văn M, giám đốc bên Công ty S có ông Lê Anh T ký tên. Lái xe thu hộ là 15.250.000 đồng (Trong đó: tiền cọc: 15.000.000 đồng + vận chuyển: 250.000 đồng).

Nguyên đơn cho rằng bị đơn nợ tiền thuê của nguyên đơn từ ngày 11/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2024) sau khi trừ vào số tiền đặt cọc 02 đợt, bị đơn còn nợ nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã sử dụng xong 100 cây chống đợt 2 vào ngày 16/12/2021 nhưng liên hệ với Công ty S để lại nhận 100 cây và thanh toán tiền cọc cho ông nhưng Công ty S không đến nhận và cũng không trả cho ông số tiền cọc còn dư sau khi đã trừ tiền thuê. Bị đơn không đồng ý trả tiền thuê sau ngày ông đã sử dụng xong.

Xét thấy, các bên khai không thống nhất thời gian sử dụng xong 100 cây chống thuê đợt 2. Nhưng theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tin nhắn vào lúc 08:45 thứ tư

ngày 02/3/2022 giữa ông M và ông T (giám đốc Công ty S) thể hiện: “ Ông T nhắn: Cây chống a dùng xong chưa, lúc nào trả”; “ Ông M nhắn: Đã xong lâu R...trong th 12 năm 2021. Tôi đã trả 100 cây vào ngày 12/12/2021 rồi. Tôi báo nhiều lần sao 0 trả tiền cọc....0 lẽ chỉ 30 triệu tôi đưa C.ty chú ra tòa...hay muốn vậy...?”...

Như vậy, với nội dung tin nhắn trên đã thể hiện ông M đã sử dụng xong trong tháng 12 năm 2021 nhưng do giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc trả tiền cọc đợt 1 nên phát sinh tranh chấp. Việc ông M xác định đã sử dụng xong trong tháng 12/2021, đã báo nhiều lần nhưng Công ty S không đến nhận 100 cây và trả tiền cọc đợt 1 thì đây là lỗi của nguyên đơn trong việc không trả tiền cọc đợt 1 sau khi đã trừ tiền thuê 100 cây chống đợt 1. Bởi giao dịch thuê 100 cây chống đợt 1 đã xong, bị đơn đã trả tài sản thuê cho nguyên đơn.

Do không xác định được thời gian chính xác trong tháng 12/2021 nên có cơ sở xem xét xác định bị đơn sử dụng 100 cây chống đến ngày 31/12/2021.

Đối với vấn đề nguyên đơn cho rằng giữ tiền cọc dư của đợt 1 để đảm bảo cho tài sản nguyên đơn cho thuê và giá trị tài sản thuê cao hơn rất nhiều so với tiền cọc đợt 2 là không có cơ sở. Bởi các bên không có thỏa thuận tiền cọc đợt 1 dư giữ lại để đảm bảo cho tài sản thuê đợt 2.

Mặt khác, nhận thấy tổng số tiền nguyên đơn giữ tiền cọc 02 đợt của bị đơn có giá trị tương đương với giá trị 100 cây chống mà bị đơn thuê của nguyên đơn.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên có cơ sở xác định tiền thuê 100 cây chống đợt 2 đối với bị đơn từ ngày 11/11/2021 đến ngày 31/12/2021 với thời gian 50 ngày x 100 x 1.000 đồng = 5.000.000 đồng + tiền vận chuyển: 250.000 đồng, tổng cộng là 5.250.000 đồng.

Như vậy, sau khi trừ số tiền thuê đợt 2 vào số tiền cọc đợt 2 thì nguyên đơn còn giữ số tiền cọc đợt 2 là 9.750.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính tiền thuê tính sau ngày 31/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2024) không có cơ sở xem xét.

Vì vậy, nguyên đơn phải có trách nhiệm trả cho bị đơn tổng số tiền cọc còn dư 02 đợt với tổng số tiền: 20.800.000 đồng. (Gồm: tiền cọc đợt 1 dư: 11.050.000 đồng và tiền cọc đợt 2 dư: 9.750.000 đồng, đã trừ số tiền thuê 100 cây chống đợt 2 + vận chuyển 5.250.000 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Nguyên đơn phải chịu 1.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền 870.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000277 ngày 07/11/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều nên nguyên đơn phải nộp thêm 170.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1) Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 229, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 481 và Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2) Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S.

- Buộc ông Phạm Văn M trả 100 cây chống cho Công ty TNHH S.

- Công ty S có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn M số tiền đặt cọc 02 đợt còn dư là 20.800.000 đồng (đã trừ tiền thuê + vận chuyển: 5.250.000 đồng từ ngày 11/11/2021 đến ngày 31/12/2021).

- Không chấp nhận yêu cầu tính tiền thuê từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2024).

3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Văn M (61 tuổi) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty S phải chịu 1.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền 870.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000277 ngày 07/11/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều nên nguyên đơn phải nộp thêm 170.000 đồng.

4) Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;

- Tòa án nhân dân TP . Cần Thơ;

- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;

- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi